

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 511/VPUB-TCDNC ngày 20/2/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phụ trách, điều hành hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV sản xuất vật liệu chịu lửa kiêm tính Việt Đức Thái Nguyên 4 tại văn bản số 24.02.25/VĐTN4 ngày 24/02/2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa kiêm tính Thái Nguyên – phân kỳ 1, công suất 19.000 tấn sản phẩm/năm” tại Cụm công nghiệp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV sản xuất vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Đức Thái Nguyên 4, địa chỉ trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa kiểm tính Thái Nguyên tại Cụm công nghiệp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam – phân kỳ 1, công suất 19.000 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa kiểm tính Thái Nguyên – phân kỳ 1, công suất 19.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0700433954 đăng ký lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/8/2019. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700433954

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất sản phẩm chịu lửa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án 48.633 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 15/05/2019).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất của cơ sở: 19.000 tấn/năm sản phẩm bao gồm: 7.000 tấn/năm gạch kiểm tính và 12.000 tấn/năm gạch chịu lửa cao nhôm, gạch chịu lửa loại A.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV sản xuất vật liệu chịu lửa kiềm tính Việt Đức Thái Nguyên 4:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH MTV sản xuất vật liệu chịu lửa kiềm tính Việt Đức Thái Nguyên 4 có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý nước thải, quản lý khí thải, chất thải và có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tổ chức được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Hải;
- Công TNHH MTV SXVLCL kiềm tính Việt Đức Thái Nguyên 4 (để thực hiện);
- TT TTDL&PTQĐ (đăng tải);
- Lưu: VT, MT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Nghiệp

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh khu văn phòng;
- Nguồn số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh khu nhà ở công nhân;
- Nguồn số 3: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 4: Nước thải khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải sinh hoạt

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt của cơ sở là ao nước trong khuôn viên phía Bắc nhà máy tại thôn Cổ Động, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tại ao nước trong khuôn viên phía Bắc nhà máy tại thôn Cổ Động, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Tọa độ điểm xả nước thải sau xử lý (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°):

$$X(m) = 2255061; Y(m) = 595746.$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, $k=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1.	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	mg/l	36		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
5.	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1,2		
6.	Amoni (NH_4^+)	mg/l	6		
7.	Nitrat (NO_3^-)	mg/l	36		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10.	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	7,2		
11.	Tổng Coliforms	MPN/	3.000		

		100ml			
--	--	-------	--	--	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03 được thu gom dẫn về bể lọc sinh học để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 04: Nước thải nhà bếp được tách dầu mỡ tại bể lắng sau đó thu gom dẫn về bể lọc sinh học để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (*sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại*) + nước thải nhà ăn (*sau khi xử lý sơ bộ tại bể lắng*) → Bể lọc sinh học → Khử trùng bằng Clo viên nén → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, k=1,2) → Ao nước trong khuôn viên phía Bắc nhà máy.

- Số lượng hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: bể lọc sinh học công suất 5m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định khoản tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói lò sấy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả thải

- 01 dòng thải: Tại ống khói lò sấy. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0):

$$X(m) = 2254915; Y(m) = 595691$$

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Nhà máy tại Cụm công nghiệp Thanh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 19.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục theo chu kỳ hoạt động của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1$), cụ thể như sau:

T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải

Khí thải từ khu vực lò nung được thu hồi tuần hoàn trong chu trình kín để sấy gạch trong lò sấy, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống khói của lò sấy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải lò sấy → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 19.000 m³/h.

- Vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của lò nung, sấy, đảm bảo các thiết bị vận hành đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp khí thải lò sấy vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý khí thải lò sấy đã được vận hành thử nghiệm theo Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 865/GXN-STN&MT ngày 26/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì công trình xử lý khí thải lò sấy thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải trong quá trình hoạt động.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Xây dựng lộ trình thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đảm bảo từ ngày 01/01/2032 khí thải sau hệ thống xử lý đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm
2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực nhà tạo hình gạch chịu lửa kiềm tính.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà tạo hình gạch chịu lửa cao nhôm, gạch chịu lửa loại A.
- Nguồn số 03: Khu vực nhà nghiền gạch chịu lửa kiềm tính.
- Nguồn số 04: Khu vực nhà nghiền gạch chịu lửa cao nhôm và gạch chịu lửa loại A.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến
trục 105^0 , múi chiếu 3^0):**

- Nguồn số 01: X(m) = 2254948; Y(m) = 595709.
- Nguồn số 02: X(m) = 2255005; Y(m) = 595724.
- Nguồn số 03: X(m) = 2255032; Y(m) = 595678.
- Nguồn số 04: X(m) = 2255036; Y(m) = 595731.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; trồng cây xanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại cơ sở.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm
2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	1
2.	Găng tay, giẻ lau dính dầu thải	180201	100
3.	Que hàn thải	070401	10
4.	Ắc quy chì thải	190601	20
5.	Xi hàn thải	070402	5
6.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	50
7.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	180102	100
8.	Hộp mực in thải	080204	1
9.	Mực in thải	080201	1
10.	Dầu động cơ hộp số thải	170203	50
11.	Bông thủy tinh, vật liệu chịu lửa có thành phần nguy hại	110602	300
	Tổng		638

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 7,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng chất thải sản xuất thông thường phát sinh khoảng: 500 kg/năm.

- Bùn thải từ hồ ga thoát nước mưa, bể tự hoại: khoảng 400 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 11 thùng dung tích từ 60-200 lít/thùng, ghi tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

- Kho lưu chứa: Diện tích 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: 02 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy dung tích 150 lít.

2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Kho lưu chứa: 01 kho chứa diện tích 32,5m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục công trình theo nội dung Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo công suất sản xuất đạt 45.000 tấn sản phẩm/năm.

Sau khi đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình của dự án có phát sinh chất thải và các công trình bảo vệ môi trường kèm theo, Công ty TNHH MTV sản xuất vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Đức Thái Nguyên 4 có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền để được xem xét cấp phép theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.